

# VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BIỂN

PGS.TS NGUYỄN CHU HỒI

## **C**ác cộng đồng cư dân biển - ven biển Việt Nam.

Trong số tất cả những người dân làm nghề biển và liên quan đến hoạt động kinh tế biển (thủy thủ, công nhân dầu khí, du khách và ngư dân) thì ngư dân chiếm phần đông, là lực lượng tạo nên "văn hóa biển cả" với các vạm chài xưa, với các phong tục cầu ngư..., là lực lượng bám biển hàng ngày và có địa bàn hoạt động rộng khắp vùng biển tổ quốc. Hiện nay, chúng ta có khoảng 10.000 tàu thuyền với trên 80.000 ngư dân hoạt động thường ngày trên vùng biển. Họ là những tai mắt và yếu tố hiện diện dân sự, và là lực lượng không thể thiếu trong thế trận chiến tranh nhân dân trên vùng biển. Cộng đồng ngư dân cũng là nguồn cung cấp nhân lực chủ yếu cho ngành kinh tế biển, cho lực lượng an ninh quốc phòng trên biển. Trong khi đó, biển chỉ là con đường đi qua của các thủy thủ, là nơi nghỉ dưỡng ngắn ngày của du khách, và là nơi làm việc tập trung ngắn ngày của công

nhân dầu khí trên một số giàn khoan.

Nước ta có 28 tỉnh, thành phố ven biển bao gồm 120 huyện, thị xã có bờ biển, trong đó có 5 huyện chưa có cộng đồng dân cư sống tại làm nghề khai thác hải sản. Như vậy chỉ có 115 huyện, thị xã có bờ biển và có các cộng đồng ngư dân sinh sống ở đó. Nếu lấy xã làm đơn vị hành chính nhỏ nhất có cộng đồng ngư dân hoạt động, thì trong 115 huyện, thị xã kể trên có 628 xã, phường có hoạt động khai thác hải sản. Ở mỗi xã, phường có một hoặc một số cộng đồng ngư dân sinh sống. Số xã, phường ven biển có hoạt động khai thác hải sản phân bố theo các vùng lãnh thổ khác nhau.

Vùng Bắc bộ gồm có 5 tỉnh, thành phố: từ Quảng Ninh đến Ninh Bình, gồm 20 huyện, thị xã có 100 xã phường; Vùng Bắc Trung bộ có 6 tỉnh: từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế với 30 huyện, thị xã có 187 xã phường; Vùng Nam Trung bộ có 7 tỉnh, thành phố: từ Đà Nẵng đến Ninh Thuận với 32 huyện, thị

xã có 160 xã phường; Vùng Đông Nam bộ gồm 3 tỉnh, thành phố: Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh gồm 9 huyện, thị xã có 62 xã phường; Vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm 7 tỉnh: từ Tiền Giang đến Kiên Giang với 24 huyện, thị xã có 119 xã phường.

Trong các cộng đồng ngư dân, có 10% nằm tại các thị trấn, thị xã, 40% nằm tại các bãi ngang và 50% nằm ở hai bên cửa sông, lạch. Riêng các tỉnh miền Trung từ Thanh Hóa đến Ninh Thuận các bãi ngang chiếm 67% tổng số xã, phường ven biển và có đến 157 xã bãi ngang nghèo nhất nước (năm 2004).

Cũng cần nhấn mạnh rằng, 51% số dân sinh sống ở vùng ven biển là nữ giới và sống phụ thuộc vào nguồn tài nguyên biển, nhưng ít nhất được tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực cho phát triển như nam giới, học vấn và kỹ năng tiếp cận thông tin hạn chế, các khuôn mẫu truyền thống về giới vẫn còn tồn tại. Vì vậy, cần chú ý đến vấn đề bình đẳng giới trong phát triển

cộng đồng và lôi cuốn cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường biển.

Căn cứ vào tập quán cư trú, nguồn lợi, quan hệ xã hội, đời sống tôn giáo... mà cộng đồng ngư dân Việt Nam được chia thành một số nhóm chính như: Cộng đồng ngư dân vùng cửa sông - đầm phá; Ngư dân bãi dọc; Ngư dân bãi ngang; Cộng đồng dân cư ở các vũng - vịnh; Cộng đồng ngư dân sống trên các đảo nhỏ. Phần lớn những cộng đồng cư dân này đều có nguồn gốc từ nông nghiệp chuyển sang, khả năng đánh bắt xa bờ yếu, nhất là dân bãi ngang trong đó có lý do không có nơi trú thuyền đánh bão, sở trường đánh bắt gần bờ. Chính vì thế, từ xưa người ta đều có quan niệm là ngư trường là của chung và điều này vẫn còn ảnh hưởng rất lớn đến ngày nay khi mà trong quản lý người ta tiếp cận mở khiến cho môi trường sinh thái biển và nguồn lợi thủy sản bị hủy diệt.

Bên cạnh tính phức tạp về nguồn gốc ngư dân đang phải đối mặt hàng ngày với tính khốc liệt của biển cả, cật chặt cuộc đời với con thuyền nên tư duy của họ hết sức giản đơn. Từ đó hình thành trong các cộng đồng này một lối sống, một nền văn hóa và phong tục tập quán sinh hoạt riêng. Thực tế cũng hình thành trong họ một bản lĩnh vững vàng, tính cạnh tranh cao trong cuộc sống, chấp nhận rủi ro và xem sản vật đánh bắt được như là một quà

tặng của biển trời.

Ngoài tính đặc thù nói trên, cộng đồng biển còn có những đặc tính chung của cộng đồng mà qua đó ta có thể thấy sự khác biệt với các hiệp hội, câu lạc bộ và tổ chức quần chúng xã hội khác như có tính đồng nhất về địa lý, có chung lợi ích và đồng nhất về văn hóa. Sự quan hệ giữa các thành viên

quan trọng cải thiện trao đổi thông tin, tăng cường dân chủ cơ sở, hình thành khung pháp lý cho cộng đồng cư dân tham gia vào các quá trình ra quyết định ở các địa phương. Tuy nhiên, năng lực của các cộng đồng địa phương còn bị hạn chế, nhận thức về quyền hạn và trách nhiệm của họ còn chưa cao. Để các tổ chức



thể hiện tính cộng đồng cao, biết chia sẻ, biết hợp tác thân thiện. Họ gắn kết với nhau bằng những quan hệ vốn có, thân tình, chủ yếu theo dòng tộc, vừa là huyết thống, vừa là khuôn mẫu văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng. Việc sáng tạo tập thể được đề cao hơn vai trò cá nhân, kiến thức bản địa luôn được coi trọng và duy trì, tôn trọng tính đồng thuận khi cộng đồng ra quyết định.

Những năm gần đây, Chính phủ đã có những bước tiến

cộng đồng phát triển tích cực cần phải chú ý tăng cường năng lực và tạo sức mạnh cho họ, qua đó họ có khả năng kết nối các thành viên và khả năng tự tổ chức bảo vệ quyền lợi của mình.

Như vậy, đối với biển, cộng đồng tham gia không chỉ bảo tồn và bảo vệ môi trường biển theo nghĩa đơn thuần của nó mà còn kết hợp đan xen tham gia phát triển tài nguyên biển, kinh tế biển và bảo vệ an ninh quốc phòng trên biển. Khác

với các cộng đồng trên đất liền, cộng đồng biển có mức độ lệ thuộc vào nguồn tài nguyên và môi trường biển cao hơn, gắn bó hơn. Biển thực sự là môi trường sinh cư và nơi nương tựa sinh kế của các cộng đồng dân cư ven biển. Như vậy, rõ ràng cộng đồng phải là chủ thể chứ không chỉ khách thể như trong thực tế quản lý hiện nay.

### **Cộng đồng tham gia quản lý môi trường biển - một đòi hỏi khách quan**

Đã có lúc biển và vùng bờ có nhiều cơ quan quản lý khác nhau nhưng vẫn còn chồng chéo về chức năng nhiệm vụ, trong khi đó còn có những mảng trống bị bỏ ngỏ không ai có trách nhiệm giải quyết. Đến nay vấn đề này mới được làm rõ hơn qua một loạt quyết định mới của Thủ tướng Chính phủ qui định lại chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành địa phương. Theo đó Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý các vùng đất ngập nước, môi trường và biển. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và quản lý các khu bảo tồn biển. Tuy nhiên, vẫn thiếu các cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý, cơ quan khoa học và các tổ chức phi chính phủ (NGO) trong việc sử dụng và quản lý tài nguyên biển. Đặc biệt sự tham gia của cộng đồng địa phương vào tiến trình quản lý còn rất thụ động và chưa

thường xuyên thực hiện tốt các nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Nhưng thực tế cộng đồng ngư dân là một lực lượng tham gia hầu hết các hoạt động liên quan đến biển và đảo trong vai trò quan trọng thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Cộng đồng biển, đảo là lực lượng làm ra của cải xã hội từ nguồn tài nguyên thiên nhiên biển, tạo ra công ăn việc làm trong nghề cá, giúp xóa đói, giảm nghèo cho đất nước. Họ cũng vừa là người tiếp nhận và sáng tạo khoa học - công nghệ, tăng cường kinh tế xã hội biển, đảo, đồng thời là lực lượng quan trọng trong bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, quản lý vùng trời, giữ gìn biển, đảo.

Vấn đề sở hữu đất và mặt nước ở vùng bờ hiện nay chưa rõ. Tình hình thực thi pháp luật trên biển và vùng ven bờ nước ta còn yếu. Chính sách quản lý môi trường biển chưa đồng bộ và hệ thống, phạm vi điều chỉnh của các chính sách đôi khi chưa rõ ràng, chưa sát với thuộc tính của đối tượng quản lý. Mâu thuẫn lợi ích trong việc sử dụng đa ngành, đa mục tiêu tài nguyên biển và vùng ven bờ không những không giảm mà còn có chiều hướng tăng.

Trên thực tế, sự mất cân đối giữa khai thác và bảo vệ nguồn lợi thì nguồn lợi thủy sản và môi trường biển, đảo sẽ không chỉ là đối tượng khai thác mà còn là nạn nhân của

chính ngư dân. Do vậy, sự nghiệp bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường biển chỉ có sự thành công khi có sự chuyển đổi về nhận thức và sự tham gia tự nguyện tích cực của cộng đồng ngư dân mà không có lực lượng nào thay thế được họ. Bởi chính ngư dân hiểu hơn ai hết miếng cơm manh áo của họ cũng như khát vọng thoát nghèo và vươn lên làm giàu từ chính đối tượng họ khai thác, sử dụng hàng ngày. Một nghịch lý đang tồn tại trong cộng đồng ngư dân là nhận thức về sự cần thiết phải bảo vệ nguồn lợi ngày càng tăng lên thì khai thác lại càng nhiều và mạnh mún. Điều đó gợi mở cho các vấn đề về cơ chế chính sách trong việc thay đổi hành vi bảo vệ nguồn lợi biển, đảo của ngư dân và vấn đề qui hoạch tổng thể không gian sinh tồn biển đảo.

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, nghề cá là phương kế góp phần tích cực về công cuộc xóa đói giảm nghèo không chỉ về mặt thu hút lực lượng lao động có việc làm mà còn về mặt thu nhập ngày càng cao. Trong bối cảnh tình trạng thiếu việc làm có xu hướng ngày càng tăng thì ngư dân với những nghề nghiệp đặc thù của mình đã thu hút một lực lượng đông đảo lao động phổ thông vào hoạt động sản xuất kinh doanh nguồn lợi từ tự nhiên. Cùng với việc thu hút lực lượng lao động, chính họ đã góp phần vào việc chuyển đổi cơ cấu

**(Xem tiếp trang 39)**

một khu rừng đước và lượng cá tổng cộng mà các làng lân cận đánh bắt được 1/3 cá bắt nguồn từ rừng đước. Rừng đước càng nguyên vẹn và càng lớn chừng nào thì cá con và vài loài tôm nhất định được bảo vệ nhiều chừng đấy, và ngư dân càng đánh bắt được nhiều: Gần 1/3 cá lớn lên trong những cánh rừng ngập nước này. 11.600 tấn hải sản được bán hàng năm đã mang lại cho những làng chung quanh thu nhập 19 triệu USD. Trên mỗi một hecta rừng đước, thu nhập của người dân địa phương nhiều hơn gấp 200 lần so với ước tính trước nay của chính phủ Mexico, mang lại cho họ từ 25.000 đến 50.000 USD, trong khi một trang trại nuôi tôm có cùng diện tích chỉ mang lại 1.000 USD. Hiện giờ, giá trị sinh thái và kinh tế này cũng được nhận biết ở nhiều nơi khác – thí dụ như ở Đông Nam Á, nơi nhiều dự án tái tạo rừng đước tiến hành sau thảm họa sóng thần để bảo vệ bờ biển một cách ít tốn kém. Thế nhưng theo như Maricar Samson và Rene Rollon của Đại

học Philippines tại Quezon City, ý định tốt này lại thường hay thất bại ý định tốt, lỗi lầm lớn.

Theo các nhà khoa học, thiếu hiểu biết là nguyên nhân chính: Những người điều hành thường không hiểu biết về các yêu cầu sinh thái của các loại đước và vì thế đã chọn sai chỗ để trồng. Thiếu chất dinh dưỡng, luồng nước chảy quá mạnh và bão táp đã làm hại cây trồng mới rất nhiều. Tệ hại hơn, họ thường vô tình phá hủy nhiều hệ sinh thái đang hoạt động như vùng có nhiều thảm cỏ biển là nơi cá đẻ trứng hay đồng ngập nước vốn nơi dừng chân của chim di trú. Thay vào đó hai nhà sinh thái học khuyên nên chọn những vùng đất thoải và chỉ ngập nước trong khoảng thời gian 1/3 của chu kỳ triều.

Trước khi lên đường tìm kiếm những nơi thích hợp, hai ông Samson và Rollon cũng khuyên là nên cải tạo lại những nơi nguyên là trại nuôi tôm vì chúng thường nằm trong vùng là rừng đước trước đó.

**Phan Ba**

---

## VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG...

*(Tiếp theo trang 33)*

nghe nghiệp của cộng đồng ngư dân và nông thôn ven biển. Điều đó có ý nghĩa quan trọng trong việc ổn định và an sinh xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Trong quá trình phát triển, hàng loạt công trình nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng công nghệ hữu ích ra đời từ cuộc sống thực tế của cộng đồng ngư dân đã góp phần cung cấp các luận chứng khoa học cho việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách kinh tế - xã hội nhằm thay đổi bộ mặt các làng cá ven biển, đảo và cải thiện sinh kế cho cộng đồng ngư dân. Những hiểu biết về tài nguyên môi trường và kinh nghiệm sản xuất của ngư dân là nguồn kiến thức bản địa, là nguồn tư liệu phong phú và có giá trị đối với tái sản xuất

và phát triển khoa học - công nghệ biển. Như vậy, ngư dân không chỉ là đối tượng để chuyển giao khoa học công nghệ mà còn là lực lượng phát kiến khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới. Hoạt động bảo vệ môi trường biển của cộng đồng luôn gắn liền với quá trình sản xuất. Biển là môi trường động, linh hoạt, luôn chứa đựng yếu tố xuyên biên giới và ô nhiễm biển thuộc dạng không định rõ nguồn. Vì vậy, cộng đồng phải được giao quyền và có lợi để họ thực sự tự giác và chủ động tham gia vào sự nghiệp bảo vệ môi trường biển.

Các hệ thống tài nguyên biển thuộc dạng tài nguyên chia sẻ, nhiều ngành và nhiều cộng đồng có quyền tham gia hưởng dụng, nhưng phải biết cùng nhau giữ gìn. □